

PIN LƯU TRỮ DÂN DỤNG

MANA 5.1-1P1 / 10.4-1P1 / 16.0-1P1 / 20.0-1P1

Điện áp thấp.

UN38.3



MANA 5.1-1P1

MANA 10.4-1P1

MANA 16.0-1P1

MANA 20.0-1P1



Các tính năng nổi bật



Mở rộng song song chỉ với 1 thao tác



Tương thích với các dòng biến tần phổ biến.



Đạt chứng nhận IP65, Cấp độ bảo vệ cao hơn.



Điều khiển và cập nhật từ xa qua Ứng dụng.



Hệ thống quản lý pin (BMS) thông minh & Phát hiện và bảo vệ chính xác.



Dập lửa tự động bằng khí Aerosol, bảo mật tối đa, tăng cường phòng vệ.



Áp dụng



Hộ gia đình



Vùng chưa kết nối lưới điện



Cửa hàng nhỏ



Văn phòng nhỏ



Trang trại nhỏ

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT.

	MANA 5.1-1P1	MANA 10.4-1P1	MANA 16.0-1P1	MANA 20.0-1P1
Thông số hoạt động.				
Công nghệ cell pin.	LFP (LiFePO ₄)			
Năng lượng khả dụng của pin. [1]	5.12 kWh	10.49 kWh	16.07 kWh	20.07 kWh
Dung lượng khả dụng	100 Ah	205 Ah	314 Ah	392 Ah
Điện áp danh định.	51.2 V	51.2 V	51.2 V	51.2 V
Dải điện áp hoạt động.	44.8 ~ 56.16 V	44.8 ~ 56.16 V	44.8 ~ 56.16 V	44.8 ~ 56.16 V
Dòng điện sạc và xả tối đa. [2]	100 A	200 A	200 A	200 A
Độ sâu xả khuyến nghị (DOD)	90%			
Truyền thông				
Màn hình hiển thị.	Đèn báo trạng thái SOC (mức pin), đèn LED báo hiệu.			
Giao tiếp	(Các chuẩn kết nối) CAN / RS485 / RS232 / Wi-Fi.			
Thông số kỹ thuật chung.				
Kích thước (Rộng × Sâu × Cao).	470×160×635 mm	530×245×660mm	530×245×847mm	535×270×880 mm
	18.5×63×25 inch	20.87×9.65×25.98 inch	20.8×9.6×33.3 inch	21.1×10.6×34.6 inch
Trọng lượng.	48.8 kg (107.5 lbs)	88 kg (194.0 lbs)	120 kg (264.55 lbs)	148 kg (326.28 lbs)
Kiểu lắp đặt.	Đặt trên sàn.			
Nhiệt độ hoạt động. [3]	Sạc: 0°C đến 50°C. Xả: -20°C đến 50°C.			
Độ ẩm môi trường.	≤95%RH (Không đọng sương)			
Cấp độ bảo vệ	IP65			
Thời gian bảo hành. [4]	5 năm / 10 năm (Tùy chọn).			
Khả năng mở rộng.	Kết nối song song tối đa 15 bộ pin.			
Ứng dụng.	Hòa lưới / Hòa lưới kết hợp dự phòng / Tách lưới			
Biến tần (Inverter) tương thích.	Tham khảo danh sách biến tần tương thích (Tương thích với các thương hiệu biến tần lớn).			
Tiêu chuẩn áp dụng				
Chứng nhận	UN38.3 / IEC62619 / IEC61000 / IEC62040-1 (More available upon request) - UN38.3 / IEC62619 / IEC61000 / IEC62040-1 (Có thể cung cấp thêm các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu).			

[1] Điều kiện kiểm tra: Xả sâu 100% (DOD), tỷ lệ dòng sạc & xả 0.2C ở nhiệt độ 25°C.

[2] Cấu hình mặc định tại nhà máy có tùy chọn là 0.5C hoặc 1C.

[3] Việc tự động giảm công suất sạc/xả sẽ xảy ra khi nhiệt độ dưới 0°C hoặc trên 45°C.

[4] Vui lòng tham khảo Thư bảo hành để biết các điều kiện áp dụng cụ thể.

Sơ đồ hệ thống

